

BỘ TƯ PHÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 3062/QĐ-BTP

Hà Nội, ngày 11 tháng 12 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Bộ tiêu chí đánh giá kết quả thực hiện
công tác bồi thường nhà nước**

BỘ TRƯỞNG BỘ TƯ PHÁP

Căn cứ Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước ngày 20 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 68/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 96/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Thông tư số 08/2019/TT-BTP ngày 10 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định biện pháp thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác bồi thường nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 09/2019/TT-BTP ngày 10 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định biện pháp hỗ trợ, hướng dẫn người bị thiệt hại thực hiện thủ tục yêu cầu bồi thường nhà nước;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Bồi thường nhà nước,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Bộ tiêu chí đánh giá kết quả thực hiện công tác bồi thường nhà nước.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 634/QĐ-BTP ngày 22/3/2013 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành Bộ tiêu chí và quy trình đánh giá hiệu quả thi hành Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Bồi thường nhà nước, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ, Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *B*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Các Thứ trưởng (để biết);
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (để biết);
- Lưu: VT, Cục BTNN.





BỘ TƯ PHÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BỘ TIÊU CHÍ

Đánh giá kết quả thực hiện công tác bồi thường nhà nước
(Ban hành kèm theo Quyết định số 3062/QĐ-BTP
ngày 11. tháng 12. năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Bộ tiêu chí này quy định các tiêu chí đánh giá, chấm điểm, xếp loại các Sở Tư pháp thông qua kết quả thực hiện công tác bồi thường nhà nước trong hoạt động quản lý hành chính, tổ tụng và thi hành án ở địa phương (sau đây gọi chung là Bộ tiêu chí).

Điều 2. Nguyên tắc đánh giá, chấm điểm và xếp loại

1. Tuân thủ quy trình thực hiện việc đánh giá, chấm điểm và xếp loại theo quy định của Bộ tiêu chí này.
2. Phản ánh trung thực, chính xác, khách quan, toàn diện kết quả thực hiện quản lý nhà nước về công tác bồi thường nhà nước.
3. Bảo đảm sự phù hợp của công cụ đánh giá đối với đối tượng, phạm vi, nội dung đánh giá.
4. Bảo đảm sự rõ ràng, đầy đủ và thống nhất của thông tin thu nhận được từ hoạt động đánh giá, chấm điểm.

Chương II

NỘI DUNG BỘ TIÊU CHÍ

Điều 3. Thành phần Bộ tiêu chí

1. Nhóm tiêu chí đánh giá thực hiện quản lý nhà nước công tác bồi thường nhà nước (50 điểm).
2. Nhóm tiêu chí đánh giá tổ chức các hoạt động phối hợp thực hiện công tác bồi thường nhà nước (20 điểm).
3. Nhóm tiêu chí đánh giá tham gia giải quyết yêu cầu bồi thường theo quy định tại khoản 4 Điều 45 và khoản 3 Điều 46 Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước (10 điểm).
4. Nhóm tiêu chí đánh giá điều kiện bảo đảm thực hiện quản lý nhà nước về công tác bồi thường nhà nước (10 điểm).

5. Nhóm tiêu chí đánh giá của cơ quan giải quyết bồi thường, cơ quan nhà nước có liên quan tại địa phương trong việc thực hiện quản lý nhà nước về công tác bồi thường nhà nước và tham gia giải quyết yêu cầu bồi thường (10 điểm).

Điều 4. Nhóm tiêu chí đánh giá thực hiện quản lý nhà nước về công tác bồi thường nhà nước (50 điểm)

1. Hướng dẫn nghiệp vụ giải quyết bồi thường theo thẩm quyền (06 điểm)

a) Hướng dẫn nghiệp vụ giải quyết bồi thường đầy đủ theo yêu cầu của cơ quan giải quyết bồi thường hoặc cơ quan khác có liên quan đến công tác bồi thường nhà nước: 06 điểm.

b) Hướng dẫn nghiệp vụ giải quyết bồi thường không đầy đủ theo yêu cầu của cơ quan giải quyết bồi thường hoặc cơ quan khác có liên quan đến công tác bồi thường nhà nước: 03 điểm.

c) Không thực hiện hướng dẫn nghiệp vụ giải quyết bồi thường: 0 điểm.

2. Bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ công tác bồi thường nhà nước (06 điểm)

a) Tổ chức bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ công tác bồi thường nhà nước theo chỉ đạo của Bộ Tư pháp hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: 06 điểm.

b) Không tổ chức bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ công tác bồi thường nhà nước theo chỉ đạo của Bộ Tư pháp hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: 0 điểm.

3. Xác định cơ quan giải quyết bồi thường (04 điểm)

a) Xác định cơ quan giải quyết bồi thường theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 40 Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước

- Xác định cơ quan giải quyết bồi thường: 02 điểm.

- Không xác định cơ quan giải quyết bồi thường: 0 điểm.

b) Xác định cơ quan giải quyết bồi thường theo quy định tại khoản 4 Điều 41 Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước

- Xác định cơ quan giải quyết bồi thường theo đúng thời hạn quy định của pháp luật: 02 điểm.

- Xác định cơ quan giải quyết bồi thường không đúng thời hạn quy định của pháp luật hoặc không xác định: 0 điểm.

4. Hướng dẫn người bị thiệt hại thực hiện thủ tục yêu cầu bồi thường theo thẩm quyền (06 điểm)

a) Hướng dẫn người bị thiệt hại thực hiện thủ tục yêu cầu bồi thường đầy đủ theo yêu cầu: 06 điểm.

b) Hướng dẫn người bị thiệt hại thực hiện thủ tục yêu cầu bồi thường không đầy đủ theo yêu cầu: 03 điểm.

c) Không hướng dẫn người bị thiệt hại thực hiện thủ tục yêu cầu bồi thường: 0 điểm.

5. Theo dõi công tác bồi thường nhà nước (06 điểm)

a) Thực hiện theo dõi công tác bồi thường nhà nước

- Có thực hiện theo dõi công tác bồi thường nhà nước khi có căn cứ theo quy định của pháp luật: 03 điểm.

- Không thực hiện theo dõi công tác bồi thường nhà nước khi có căn cứ theo quy định của pháp luật: 0 điểm.

b) Lập danh mục vụ việc giải quyết yêu cầu bồi thường

- Lập danh mục đầy đủ các vụ việc giải quyết yêu cầu bồi thường và các vụ việc trong danh mục có đầy đủ nội dung theo quy định của pháp luật: 03 điểm.

- Lập danh mục không đầy đủ các vụ việc giải quyết yêu cầu bồi thường hoặc vụ việc trong danh mục không đầy đủ nội dung theo quy định của pháp luật: 01 điểm.

- Không lập danh mục vụ việc giải quyết yêu cầu bồi thường: 0 điểm.

6. Đơn đốc công tác bồi thường nhà nước (05 điểm)

a) Thực hiện đơn đốc công tác bồi thường nhà nước khi có căn cứ theo quy định của pháp luật: 05 điểm.

b) Không thực hiện đơn đốc công tác bồi thường nhà nước khi có căn cứ theo quy định của pháp luật: 0 điểm.

7. Thanh tra, kiểm tra công tác bồi thường nhà nước (06 điểm)

a) Ban hành và thực hiện kế hoạch thanh tra, kiểm tra công tác bồi thường nhà nước theo quy định của pháp luật: 06 điểm.

b) Ban hành nhưng không thực hiện kế hoạch thanh tra, kiểm tra hoặc không ban hành kế hoạch thanh tra, kiểm tra công tác bồi thường nhà nước theo quy định của pháp luật: 0 điểm.

8. Thống kê, báo cáo việc thực hiện công tác bồi thường nhà nước (08 điểm)

a) Thời hạn thống kê, báo cáo việc thực hiện công tác bồi thường nhà nước

- Thống kê, báo cáo việc thực hiện công tác bồi thường nhà nước gửi Bộ Tư pháp đúng thời hạn quy định của pháp luật hoặc đúng yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền: 04 điểm.

- Thống kê, báo cáo việc thực hiện công tác bồi thường nhà nước gửi Bộ Tư pháp không đúng thời hạn quy định của pháp luật hoặc không đúng yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền: 02 điểm.

- Không thống kê, báo cáo việc thực hiện công tác bồi thường nhà nước: 0 điểm.

b) Nội dung thống kê, báo cáo việc thực hiện công tác bồi thường nhà nước

- Nội dung thống kê, báo cáo việc thực hiện công tác bồi thường nhà nước đúng quy định của pháp luật hoặc đúng yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền: 04 điểm.

- Nội dung thống kê, báo cáo việc thực hiện công tác bồi thường nhà nước không đúng quy định của pháp luật hoặc không đúng yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền: 0 điểm.

9. Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm trong việc giải quyết bồi thường, thực hiện trách nhiệm hoàn trả trong phạm vi do mình quản lý; kiến nghị người có thẩm quyền kháng nghị bản án, quyết định của Tòa án có nội dung giải quyết bồi thường theo quy định của pháp luật; yêu cầu Thủ trưởng cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại hủy quyết định giải quyết bồi thường trong trường hợp có một trong các căn cứ quy định tại khoản 1 và điểm a khoản 3 Điều 48 của Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước mà không ra quyết định hủy (03 điểm)

- Kiến nghị, yêu cầu theo thẩm quyền khi có căn cứ theo quy định của pháp luật: 03 điểm.

- Không thực hiện kiến nghị, yêu cầu theo thẩm quyền khi có căn cứ theo quy định của pháp luật: 0 điểm.

Điều 5. Nhóm tiêu chí đánh giá tổ chức các hoạt động phối hợp thực hiện quản lý nhà nước về công tác bồi thường nhà nước (20 điểm)

1. Hợp liên ngành hoặc trao đổi bằng văn bản khi có phát sinh nội dung cần phối hợp theo quy định của pháp luật: 20 điểm.

2. Không tổ chức hợp liên ngành hoặc không trao đổi bằng văn bản khi có phát sinh nội dung cần phối hợp theo quy định của pháp luật: 0 điểm.

Điều 6. Nhóm tiêu chí đánh giá tham gia giải quyết yêu cầu bồi thường theo quy định tại khoản 4 Điều 45 và khoản 3 Điều 46 Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước (10 điểm)

1. Cử đại diện tham gia xác minh thiệt hại theo quy định tại khoản 4 Điều 45 của Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước và Điều 19 của Nghị định số 68/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước (05 điểm)

a) Cử đại diện tham gia xác minh thiệt hại đúng thời hạn theo quy định của pháp luật: 05 điểm.

b) Cử đại diện tham gia xác minh thiệt hại không đúng thời hạn theo quy định của pháp luật: 02 điểm.

c) Không cử đại diện tham gia xác minh thiệt hại: 0 điểm.

2. Tham gia thương lượng việc bồi thường theo quy định tại Điều 46 của Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước và Điều 21 của Nghị định số

68/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước (05 điểm)

a) Cử đại diện tham gia thương lượng việc bồi thường và đại diện được cử thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ theo quy định của pháp luật: 05 điểm.

b) Cử đại diện tham gia thương lượng việc bồi thường nhưng đại diện được cử không thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ theo quy định của pháp luật: 02 điểm.

c) Không cử đại diện tham gia thương lượng việc bồi thường: 0 điểm.

Điều 7. Nhóm tiêu chí đánh giá điều kiện bảo đảm thực hiện quản lý nhà nước về công tác bồi thường nhà nước (10 điểm)

1. Ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch công tác bồi thường nhà nước (04 điểm)

a) Ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch về công tác bồi thường nhà nước đúng thời hạn theo chỉ đạo của cơ quan quản lý nhà nước về công tác bồi thường nhà nước cấp trên hoặc cơ quan có thẩm quyền: 04 điểm.

b) Ban hành nhưng không tổ chức kế hoạch về công tác bồi thường nhà nước theo chỉ đạo của cơ quan quản lý nhà nước về công tác bồi thường nhà nước cấp trên hoặc cơ quan có thẩm quyền hoặc không ban hành kế hoạch: 0 điểm.

2. Các điều kiện bảo đảm thực hiện quản lý nhà nước về công tác bồi thường nhà nước (06 điểm)

a) Phân công công chức thực hiện công tác bồi thường nhà nước

- Phân công công chức thực hiện công tác bồi thường nhà nước: 02 điểm.

- Không phân công công chức thực hiện công tác bồi thường nhà nước: 0 điểm.

b) Bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ công tác bồi thường nhà nước

- Thực hiện bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ: 02 điểm.

- Không thực hiện bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ: 0 điểm.

c) Kinh phí thực hiện công tác bồi thường nhà nước

- Bố trí kinh phí để thực hiện công tác bồi thường nhà nước: 02 điểm.

- Không bố trí kinh phí để thực hiện công tác bồi thường nhà nước: 0 điểm.

Điều 8. Nhóm tiêu chí đánh giá của cơ quan giải quyết bồi thường, cơ quan nhà nước khác có liên quan tại địa phương trong việc thực hiện quản lý nhà nước về công tác bồi thường nhà nước và tham gia giải quyết yêu cầu bồi thường (10 điểm)

1. Đánh giá việc thực hiện quản lý nhà nước về công tác bồi thường nhà nước tại địa phương (04 điểm)

a) Thực hiện quản lý nhà nước về công tác bồi thường nhà nước quy định tại Điều 4 của Bộ tiêu chí này: 04 điểm.

b) Không thực hiện quản lý nhà nước về công tác bồi thường nhà nước quy định tại Điều 4 của Bộ tiêu chí này: 0 điểm.

2. Đánh giá công tác phối hợp thực hiện quản lý nhà nước về công tác bồi thường nhà nước (03 điểm)

a) Phối hợp thực hiện quản lý nhà nước về công tác bồi thường nhà nước quy định tại Điều 5 của Bộ tiêu chí này: 03 điểm.

b) Không phối hợp thực hiện quản lý nhà nước về công tác bồi thường nhà nước quy định tại Điều 5 của Bộ tiêu chí này: 0 điểm.

3. Đánh giá việc tham gia giải quyết yêu cầu bồi thường (03 điểm)

a) Tham gia giải quyết yêu cầu bồi thường quy định tại Điều 6 của Bộ tiêu chí này: 03 điểm.

b) Không tham gia giải quyết yêu cầu bồi thường quy định tại Điều 6 của Bộ tiêu chí này: 0 điểm.

Chương III

ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM, XẾP LOẠI KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC BỒI THƯỜNG NHÀ NƯỚC

Điều 9. Cách thức đánh giá, chấm điểm

1. Việc đánh giá, chấm điểm và xếp loại kết quả thực hiện quản lý nhà nước về công tác bồi thường nhà nước được thực hiện hằng năm. Thời điểm lấy thông tin, số liệu để thực hiện việc đánh giá, chấm điểm được tính từ ngày 01/01 đến ngày 31/10 của năm đánh giá.

2. Hằng năm, Sở Tư pháp căn cứ vào Bộ tiêu chí này, thực hiện việc tự đánh giá, chấm điểm kết quả thực hiện công tác bồi thường nhà nước.

Đối với tiêu chí đánh giá mà không phát sinh vụ việc hoặc không có chỉ đạo, yêu cầu, kiến nghị để tổ chức triển khai thì Sở Tư pháp chấm điểm tối đa cho tiêu chí đó. Trường hợp tiêu chí đánh giá có từ 02 vụ việc hoặc chỉ đạo, yêu cầu, kiến nghị trở lên thì điểm đánh giá của tiêu chí đó được tính là trung bình cộng của các vụ việc hoặc chỉ đạo yêu cầu, kiến nghị.

3. Kết quả tự đánh giá, chấm điểm và báo cáo về việc thực hiện tự đánh giá, chấm điểm gửi Bộ Tư pháp trước ngày 08/12 của năm tự đánh giá (cùng thời điểm gửi Thống kê, báo cáo việc thực hiện công tác bồi thường nhà nước hằng năm) để tổng hợp, đối chiếu và xếp loại. Kèm theo báo cáo về việc thực hiện tự đánh giá, chấm điểm là các tài liệu kiểm chứng như báo cáo, kế hoạch, thông báo, quyết định, công văn ... hoặc nội dung giải trình. Việc gửi tài liệu kiểm chứng được thực hiện thông qua hệ thống thư điện tử công vụ của cơ quan tự đánh giá, chấm điểm theo quy định của pháp luật.

4. Trên cơ sở kết quả theo dõi, kiểm tra, khảo sát và các nguồn thông tin hợp pháp khác, Bộ Tư pháp thực hiện việc đánh giá kết quả tự đánh giá, chấm

điểm của Sở Tư pháp. Dự thảo Báo cáo tổng hợp kết quả đánh giá và xếp loại được lấy ý kiến Sở Tư pháp trước ngày 20/12 của năm tự đánh giá.

5. Thông báo kết quả đánh giá, chấm điểm và xếp loại được gửi kèm Báo cáo tổng hợp kết quả đánh giá và xếp loại do Bộ Tư pháp ban hành gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và các Sở Tư pháp trước ngày 31/12 của năm tự đánh giá.

Điều 10. Điểm thưởng và điểm trừ

1. Sở Tư pháp được cộng thêm 05 điểm đối với 01 sáng kiến, giải pháp vào tổng điểm tự đánh giá trong trường hợp công chức thuộc Sở Tư pháp có sáng kiến, giải pháp trong quá trình thực hiện công tác bồi thường nhà nước.

2. Trường hợp Sở Tư pháp gửi kết quả tự đánh giá chấm điểm sau 05 ngày (không tính ngày nghỉ hằng tuần, ngày nghỉ lễ) kể từ ngày 08/12 của năm tự đánh giá thì sẽ trừ 05 điểm trên tổng số điểm tự chấm điểm của Sở Tư pháp. Trường hợp Sở Tư pháp gửi kết quả tự đánh giá chấm điểm sau 07 ngày (không tính ngày nghỉ hằng tuần, ngày nghỉ lễ) kể từ ngày 08/12 của năm tự đánh giá thì không đánh giá và xếp loại Sở Tư pháp.

Điều 11. Đánh giá và xếp loại

1. Việc đánh giá và xếp loại các Sở Tư pháp được thực hiện trên cơ sở tổng số điểm của các Điều 4, 5, 6, 7, 8 và Điều 10 của Bộ tiêu chí này và kết quả đánh giá của Bộ Tư pháp.

Trường hợp kết quả tự đánh giá, chấm điểm của Sở Tư pháp thống nhất với kết quả đánh giá của Bộ Tư pháp thì Bộ Tư pháp công nhận kết quả tự đánh giá, chấm điểm của Sở Tư pháp.

Trường hợp kết quả tự đánh giá, chấm điểm của Sở Tư pháp thấp hơn hoặc cao hơn kết quả đánh giá của Bộ Tư pháp thì sử dụng kết quả đánh giá của Bộ Tư pháp.

2. Việc xếp loại được thực hiện căn cứ vào tổng số điểm quy định tại khoản 1 Điều này, cụ thể như sau:

- a) Tổng số điểm đạt được từ 85 điểm trở lên: Xếp loại Tốt;
- b) Tổng số điểm đạt được từ 70 điểm đến dưới 85 điểm: Xếp loại Khá;
- c) Tổng số điểm đạt được từ 50 điểm đến dưới 70 điểm: Xếp loại Trung bình;
- d) Tổng số điểm đạt được dưới 50 điểm: Xếp loại Yếu.

Chương IV

THỰC HIỆN BỘ TIÊU CHÍ

Điều 12. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tư pháp có trách nhiệm thực hiện việc tự đánh giá, chấm điểm theo Bộ tiêu chí này.

2. Cục Bồi thường nhà nước chủ trì, phối hợp với các đơn vị thuộc Bộ tham mưu giúp Bộ trưởng Bộ Tư pháp chỉ đạo, triển khai, hướng dẫn, đánh giá kết quả thực hiện công tác bồi thường nhà nước theo quy định của Bộ tiêu chí này.

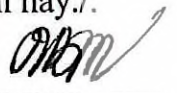
3. Khuyến khích tổ chức, cá nhân tham gia hỗ trợ kinh phí thực hiện đánh giá kết quả thực hiện quản lý nhà nước về công tác bồi thường nhà nước tại địa phương.

4. Khuyến khích cơ quan quy định tại Điều 8 của Bộ tiêu chí này tham gia đánh giá việc thực hiện quản lý nhà nước về công tác bồi thường nhà nước và tham gia giải quyết yêu cầu bồi thường.

5. Ban hành kèm theo Bộ tiêu chí này: Bảng chấm điểm tự đánh giá kết quả thực hiện công tác bồi thường nhà nước (Phụ lục I); Mẫu báo cáo tổng hợp kết quả đánh giá và xếp loại (Phụ lục II).

Điều 13. Sửa đổi, bổ sung Bộ tiêu chí

Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị Sở Tư pháp phản ánh về Bộ Tư pháp để nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung Bộ tiêu chí này./.



Phụ lục I
BẢNG TỰ ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3062/QĐ-BTP ngày 11 tháng 12 năm 2019
của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về Bộ tiêu chí đánh giá kết quả thực hiện công tác
bồi thường nhà nước)

**CƠ QUAN TỰ ĐÁNH GIÁ,
CHẤM ĐIỂM**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢNG CHẤM ĐIỂM
Tự đánh giá kết quả thực hiện công tác bồi thường nhà nước

STT	NỘI DUNG	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Diễn giải (nếu có)	Tài liệu kiểm chứng (nếu có)	Hướng dẫn tự đánh giá, chấm điểm
I.	Nhóm tiêu chí đánh giá thực hiện quản lý nhà nước về công tác bồi thường nhà nước	50 điểm				<ul style="list-style-type: none">- Trường hợp điểm tự đánh giá, chấm điểm có tài liệu kiểm chứng cụ thể (văn bản, quyết định, thông báo, công văn, biên bản, đơn thư, ...) thì ghi rõ ngày tháng năm ban hành văn bản, số ký hiệu văn bản và trích yếu nội dung văn bản.- Trường hợp không có tài liệu kiểm chứng thì cần diễn giải cụ thể vì sao tự đánh giá, chấm điểm với số điểm như đã tự chấm.- Trường hợp có thực hiện nhưng không có tài liệu kiểm chứng và không có diễn giải cụ thể về điểm tự đánh giá, chấm điểm thì điểm tự đánh giá sẽ chấm 0 điểm.- Trường hợp có từ 02 yêu cầu, đề nghị, kiến nghị trở lên thì điểm tự chấm sẽ là điểm trung bình cộng của việc thực hiện các yêu cầu, đề nghị, kiến nghị đó.

1.	Hướng dẫn nghiệp vụ giải quyết bồi thường theo thẩm quyền	06 điểm				- Nội dung hướng dẫn nghiệp vụ giải quyết bồi thường được xác định theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 3 Thông tư số 08/2019/TT-BTP ngày 10/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định biện pháp thực hiện quản lý nhà nước về công tác bồi thường nhà nước (Thông tư số 08/2019/TT-BTP).
a.	Hướng dẫn nghiệp vụ giải quyết bồi thường đầy đủ theo yêu cầu của cơ quan giải quyết bồi thường hoặc cơ quan khác có liên quan đến công tác bồi thường nhà nước	06 điểm				- Hướng dẫn nghiệp vụ giải quyết bồi thường đầy đủ được hiểu theo một trong hai trường hợp sau: (i) Sở Tư pháp hướng dẫn đầy đủ các nội dung theo yêu cầu của cơ quan giải quyết bồi thường hoặc cơ quan khác có liên quan và các nội dung theo yêu cầu đó phải phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 3 Thông tư số 08/2019/TT-BTP; (ii) cơ quan giải quyết bồi thường hoặc cơ quan khác có liên quan đề nghị hướng dẫn trong đó có những nội dung không được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 3 Thông tư số 08/2019/TT-BTP và Sở Tư pháp chỉ hướng dẫn đối với những nội dung được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 3 Thông tư số 08/2019/TT-BTP.
b.	Hướng dẫn nghiệp vụ giải quyết bồi thường không đầy đủ theo yêu cầu của cơ quan giải quyết bồi thường hoặc cơ quan khác có liên quan đến công tác bồi thường nhà nước	03 điểm				- Hướng dẫn nghiệp vụ giải quyết bồi thường không đầy đủ là việc cơ quan giải quyết bồi thường hoặc cơ quan khác có liên quan đến công tác bồi thường nhà nước có đề nghị hướng dẫn đối với các nội dung quy định tại điểm a khoản 1 Điều 3 Thông tư số 08/2019/TT-BTP nhưng Sở Tư pháp chỉ hướng dẫn

						một số nội dung.
c.	Không thực hiện hướng dẫn nghiệp vụ giải quyết bồi thường	0 điểm				
2.	Bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ công tác bồi thường nhà nước	06 điểm				<ul style="list-style-type: none"> - Các hình thức bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ bao gồm: hội nghị, tọa đàm, tập huấn, tờ rơi, tờ gấp, v.v. - Có thể thực hiện bồi dưỡng kỹ năng nghiệp vụ công tác bồi thường nhà nước riêng hoặc lồng ghép công tác bồi thường nhà nước với việc bồi dưỡng các kỹ năng, nghiệp vụ khác.
a.	Tổ chức bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ công tác bồi thường nhà nước theo chỉ đạo của Bộ Tư pháp hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	06 điểm				<ul style="list-style-type: none"> - Có đề xuất tổ chức bồi dưỡng kỹ năng nghiệp vụ công tác bồi thường nhà nước và được cấp kinh phí hoặc có đề xuất nhưng không được cấp kinh phí thì tự chấm điểm tối đa. - Tổ chức bồi dưỡng thông qua một trong các hình thức nêu tại mục 2 phần I Hướng dẫn này thì Sở Tư pháp tự chấm điểm tối đa.
b.	Không tổ chức bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ công tác bồi thường nhà nước theo chỉ đạo của Bộ Tư pháp hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	0 điểm				
3.	Xác định cơ quan giải quyết bồi thường	04 điểm				

a.	Xác định cơ quan giải quyết bồi thường theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 40 Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước	02 điểm				- Việc xác định cơ quan giải quyết bồi thường được thực hiện theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 40 Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước (Luật TNBTCNN) và khoản 2 và khoản 3 Điều 32 Nghị định số 68/2018/NĐ-CP.
-	Xác định cơ quan giải quyết bồi thường	02 điểm				
-	Không xác định cơ quan giải quyết bồi thường	0 điểm				
b.	Xác định cơ quan giải quyết bồi thường theo quy định tại khoản 4 Điều 41 Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước	02 điểm				
-	Xác định cơ quan giải quyết bồi thường theo đúng thời hạn quy định của pháp luật	02 điểm				- Thời hạn xác định cơ quan giải quyết bồi thường được xác định theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 33 Nghị định số 68/2018/NĐ-CP.
-	Xác định cơ quan giải quyết bồi thường không đúng thời hạn quy định của pháp luật hoặc không xác định	0 điểm				
4.	Hướng dẫn người bị thiệt hại thực hiện thủ tục yêu cầu bồi thường theo thẩm quyền	06 điểm				- Nội dung hướng dẫn người bị thiệt hại thực hiện thủ tục yêu cầu bồi thường được xác định theo quy định tại Điều 6 Thông tư số 09/2019/TT-BTP ngày 10/12/2019 của Bộ

						trưởng Bộ Tư pháp quy định biện pháp hỗ trợ, hướng dẫn người bị thiệt hại thực hiện thủ tục yêu cầu bồi thường nhà nước (Thông tư số 09/2019/TT-BTP).
a.	Hướng dẫn người bị thiệt hại thực hiện thủ tục yêu cầu bồi thường đầy đủ theo yêu cầu của người bị thiệt hại	06 điểm				- Hướng dẫn người bị thiệt hại thực hiện thủ tục yêu cầu bồi thường đầy đủ được hiểu theo một trong hai trường hợp sau: (i) Sở Tư pháp hướng dẫn đầy đủ các nội dung theo yêu cầu người bị thiệt hại và các nội dung theo yêu cầu đó phải phù hợp với quy định tại Điều 6 Thông tư số 09/2019/TT-BTP; (ii) người bị thiệt hại yêu cầu hướng dẫn trong đó có những nội dung không được quy định tại Điều 6 Thông tư số 09/2019/TT-BTP và Sở Tư pháp chỉ hướng dẫn đối với những nội dung được quy định tại Điều 6 Thông tư số 09/2019/TT-BTP.
b.	Hướng dẫn người bị thiệt hại thực hiện thủ tục yêu cầu bồi thường không đầy đủ theo yêu cầu	03 điểm				- Hướng dẫn người bị thiệt hại thực hiện thủ tục yêu cầu bồi thường không đầy đủ là người bị thiệt hại có yêu cầu hướng dẫn đối với các nội dung quy định tại Điều 6 Thông tư số 09/2019/TT-BTP nhưng Sở Tư pháp chỉ hướng dẫn một số nội dung.
c.	Không hướng dẫn người bị thiệt hại thực hiện thủ tục yêu cầu bồi thường	0 điểm				
5.	Theo dõi công tác bồi thường nhà nước	06 điểm				

a.	Thực hiện theo dõi công tác bồi thường nhà nước	03 điểm				- Căn cứ thực hiện theo dõi công tác bồi thường nhà nước được xác định tại quy định tại khoản 1 Điều 9 Thông tư số 08/2019/TT-BTP.
-	Có thực hiện theo dõi công tác bồi thường nhà nước khi có căn cứ theo quy định của pháp luật	03 điểm				
-	Không thực hiện theo dõi công tác bồi thường nhà nước khi có căn cứ theo quy định của pháp luật	0 điểm				
b.	Lập danh mục vụ việc giải quyết yêu cầu bồi thường	03 điểm				
-	Lập danh mục đầy đủ các vụ việc giải quyết yêu cầu bồi thường và các vụ việc trong danh mục có đầy đủ nội dung theo quy định của pháp luật	03 điểm				- Đầy đủ các vụ việc được đưa vào danh mục. - Từng vụ việc có đầy đủ nội dung (theo tiến trình giải quyết vụ việc tính đến thời điểm tự đánh giá, chấm điểm) quy định tại Biểu mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 08/2019/TT-BTP.
-	Lập danh mục không đầy đủ các vụ việc giải quyết yêu cầu bồi thường hoặc vụ việc trong danh mục không đầy đủ nội dung theo quy định của pháp luật	01 điểm				- Chỉ có một số vụ việc được đưa vào danh mục. - Có từ một vụ việc trở lên không có nội dung (theo tiến trình giải quyết vụ việc tính đến thời điểm tự đánh giá, chấm điểm) quy định tại Biểu mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 08/2019/TT-BTP.

-	Không lập danh mục vụ việc giải quyết yêu cầu bồi thường	0 điểm				
6.	Đôn đốc công tác bồi thường nhà nước	05 điểm				
a.	Thực hiện đôn đốc công tác bồi thường nhà nước khi có căn cứ theo quy định của pháp luật	05 điểm				Căn cứ đôn đốc công tác bồi thường nhà nước được xác định theo quy định tại Điều 14 Thông tư số 08/2019/TT-BTP.
b.	Không thực hiện đôn đốc công tác bồi thường nhà nước khi có căn cứ theo quy định của pháp luật	0 điểm				
7.	Thanh tra, kiểm tra công tác bồi thường nhà nước	06 điểm				
a.	Ban hành và thực hiện kế hoạch thanh tra, kiểm tra công tác bồi thường nhà nước theo quy định của pháp luật	06 điểm				<p>- Việc ban hành kế hoạch thanh tra, kiểm tra được thực hiện theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 34 Nghị định số 68/2018/NĐ-CP và Điều 19 Thông tư số 08/2019/TT-BTP.</p> <p>- Việc tổ chức kế hoạch thanh tra, kiểm tra được thực hiện theo quy định tại Điều 20, 21, 22 và Điều 23 Thông tư số 08/2019/TT-BTP.</p> <p>- Trường hợp có ban hành và thực hiện kế hoạch thanh tra, kiểm tra, tuy nhiên, thời gian và nội dung thanh tra, kiểm tra giữa kế hoạch và thực tiễn có sự thay đổi thì Sở Tư pháp giải trình lý do thay đổi và tự chấm điểm tối đa.</p>

b.	Ban hành nhưng không thực hiện kế hoạch thanh tra, kiểm tra hoặc không ban hành kế hoạch thanh tra, kiểm tra công tác bồi thường nhà nước theo quy định của pháp luật	0 điểm				
8.	Thống kê, báo cáo việc thực hiện công tác bồi thường nhà nước	08 điểm				
a.	Thời hạn thống kê, báo cáo việc thực hiện công tác bồi thường nhà nước	04 điểm				<p>- Thời hạn thống kê, báo cáo được thực hiện theo quy định tại Điều 25 Thông tư số 08/2019/TT-BTP.</p> <p>- Cơ quan nhà nước có thẩm quyền được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 35 Nghị định số 68/2018/NĐ-CP.</p>
-	Thống kê, báo cáo việc thực hiện công tác bồi thường nhà nước gửi Bộ Tư pháp đúng thời hạn quy định của pháp luật hoặc đúng yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền	04 điểm				
-	Thống kê, báo cáo việc thực hiện công tác bồi thường nhà nước gửi Bộ Tư pháp không đúng thời hạn quy định của pháp luật hoặc không đúng yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền	02 điểm				

	quyền					
-	Không thống kê, báo cáo việc thực hiện công tác bồi thường nhà nước	0 điểm				
b.	Nội dung thống kê, báo cáo việc thực hiện công tác bồi thường nhà nước	04 điểm				Nội dung thống kê, báo cáo được xác định theo Điều 24 và Biểu mẫu số 2, 3 và 4 ban hành kèm theo Thông tư số 08/2019/TT-BTP.
-	Nội dung thống kê, báo cáo việc thực hiện công tác bồi thường nhà nước đúng quy định của pháp luật hoặc đúng yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền	04 điểm				
-	Nội dung thống kê, báo cáo việc thực hiện công tác bồi thường nhà nước không đúng quy định của pháp luật hoặc không đúng yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền	0 điểm				
9.	Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm trong việc giải quyết bồi thường, thực hiện trách nhiệm hoàn trả trong phạm vi do mình quản lý; kiến nghị người có thẩm quyền kháng nghị bản	03 điểm				Chỉ cần thực hiện một trong các nội dung của mục này thì Sở Tư pháp tự chấm điểm tối đa.

	án, quyết định của Tòa án có nội dung giải quyết bồi thường theo quy định của pháp luật; yêu cầu Thủ trưởng cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại hủy quyết định giải quyết bồi thường trong trường hợp có một trong các căn cứ quy định tại khoản 1 và điểm a khoản 3 Điều 48 của Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước mà không ra quyết định hủy					
-	Kiến nghị, yêu cầu theo thẩm quyền khi có căn cứ theo quy định của pháp luật	03 điểm				
-	Không thực hiện kiến nghị, yêu cầu theo thẩm quyền khi có căn cứ theo quy định của pháp luật	0 điểm				
II.	Nhóm tiêu chí đánh giá tổ chức các hoạt động phối hợp thực hiện quản lý nhà nước về công tác bồi thường nhà nước	20 điểm				<p>- Trường hợp không có tài liệu kiểm chứng thì cần diễn giải cụ thể vì sao tự đánh giá, chấm điểm với số điểm như đã tự chấm.</p> <p>- Trường hợp có thực hiện nhưng không có tài liệu kiểm chứng và không có diễn giải</p>

						<p>cụ thể về điểm tự đánh giá, chấm điểm thì điểm tự đánh giá sẽ chấm 0 điểm.</p> <p>- Trường hợp có từ 02 hoạt động phối hợp trở lên thì điểm tự chấm sẽ là điểm trung bình cộng của việc thực hiện các hoạt động phối hợp đó.</p>
1.	Hợp liên ngành hoặc trao đổi bằng văn bản khi có phát sinh nội dung cần phối hợp theo quy định của pháp luật	20 điểm				<p>- Có tổ chức hợp liên ngành hoặc trao đổi bằng văn bản khi có phát sinh nội dung cần phối hợp.</p> <p>- Hợp liên ngành hoặc trao đổi bằng văn bản đối với một trong số các nhiệm vụ quản lý nhà nước quy định tại phần I Bảng tự chấm điểm này thì Sở Tư pháp tự chấm điểm tối đa.</p>
2.	Không tổ chức hợp liên ngành hoặc không trao đổi bằng văn bản khi có phát sinh nội dung cần phối hợp theo quy định của pháp luật	0 điểm				
III.	Nhóm tiêu chí đánh giá tham gia giải quyết yêu cầu bồi thường theo quy định tại khoản 4 Điều 45 và khoản 3 Điều 46 Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước	10 điểm				<p>- Trường hợp không có tài liệu kiểm chứng thì cần diễn giải cụ thể vì sao tự đánh giá, chấm điểm với số điểm như đã tự chấm.</p> <p>- Trường hợp có thực hiện nhưng không có tài liệu kiểm chứng và không có diễn giải cụ thể về điểm tự đánh giá, chấm điểm thì điểm tự đánh giá sẽ chấm 0 điểm.</p> <p>- Trường hợp có từ 02 vụ việc trở lên thì điểm tự chấm sẽ là điểm trung bình cộng của việc thực hiện các vụ việc đó.</p>

1.	Cử đại diện tham gia xác minh thiệt hại theo quy định tại khoản 4 Điều 45 của Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước và Điều 19 của Nghị định số 68/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước	05 điểm				
a.	Cử đại diện tham gia xác minh thiệt hại đúng thời hạn theo quy định của pháp luật	05 điểm				Thời hạn cử đại diện tham gia xác minh thiệt hại trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của cơ quan giải quyết bồi thường.
b.	Cử đại diện tham gia xác minh thiệt hại không đúng thời hạn theo quy định của pháp luật	02 điểm				Thời hạn cử đại diện tham gia xác minh thiệt hại từ 02 ngày làm việc trở lên kể từ ngày nhận được đề nghị của cơ quan giải quyết bồi thường.
c.	Không cử đại diện tham gia xác minh thiệt hại	0 điểm				
2.	Tham gia thương lượng việc bồi thường theo quy định tại Điều 46 của Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước và Điều 21 của Nghị định số 68/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 quy định chi tiết	05 điểm				

	một số điều và biện pháp thi hành Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước					
a.	Cử đại diện tham gia thương lượng việc bồi thường và đại diện được cử thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ theo quy định của pháp luật	05 điểm				Có cử đại diện tham gia thương lượng việc bồi thường; đại diện tham gia thương lượng việc bồi thường có phát biểu ý kiến tại buổi thương lượng việc bồi thường và có ký vào biên bản kết quả thương lượng.
b.	Cử đại diện tham gia thương lượng việc bồi thường nhưng đại diện được cử không thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ theo quy định của pháp luật	02 điểm				Có cử đại diện tham gia thương lượng việc bồi thường nhưng đại diện tham gia thương lượng việc bồi thường không có phát biểu ý kiến tại buổi thương lượng việc bồi thường hoặc không ký vào biên bản kết quả thương lượng.
c.	Không cử đại diện tham gia thương lượng việc bồi thường	0 điểm				
IV.	Nhóm tiêu chí đánh giá điều kiện bảo đảm thực hiện quản lý nhà nước về công tác bồi thường nhà nước	10 điểm				
1.	Ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch công tác bồi thường nhà nước	04 điểm				

a.	Ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch về công tác bồi thường nhà nước đúng thời hạn theo chỉ đạo của cơ quan quản lý nhà nước về công tác bồi thường nhà nước cấp trên hoặc cơ quan có thẩm quyền	04 điểm				<ul style="list-style-type: none"> - Kế hoạch công tác bồi thường nhà nước có thể xây dựng Kế hoạch riêng hoặc lồng ghép trong Kế hoạch về công tác tư pháp của địa phương. - Cơ quan nhà nước cấp trên hoặc cơ quan có thẩm quyền có thể là Bộ Tư pháp (Cục Bồi thường nhà nước) hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc.
b.	Ban hành nhưng không tổ chức kế hoạch về công tác bồi thường nhà nước theo chỉ đạo của cơ quan quản lý nhà nước về công tác bồi thường nhà nước cấp trên hoặc cơ quan có thẩm quyền hoặc không ban hành kế hoạch	0 điểm				
2.	Các điều kiện bảo đảm thực hiện quản lý nhà nước về công tác bồi thường nhà nước	06 điểm				
a.	Phân công công chức thực hiện công tác bồi thường nhà nước	02 điểm				
-	Phân công công chức thực hiện công tác bồi thường nhà nước	02 điểm				Có phân công công chức thực hiện công tác bồi thường nhà nước (kiêm nhiệm hoặc chuyên trách) thì Sở Tư pháp đều tự chấm điểm tối đa.
-	Không phân công công chức thực hiện công tác bồi	0 điểm				

	thường nhà nước					
b.	Bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ công tác bồi thường nhà nước	02 điểm				Bồi dưỡng kỹ năng nghiệp vụ công tác bồi thường nhà nước thực hiện thông qua việc tự bồi dưỡng (có bài viết trên tạp chí, tự nghiên cứu, học tập, v.v.) hoặc tham gia lớp bồi dưỡng do Bộ Tư pháp (Cục Bồi thường nhà nước) tổ chức.
-	Thực hiện bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ	02 điểm				Thực hiện một trong số các hình thức bồi dưỡng nêu tại tiểu mục b mục 2 phần V Hướng dẫn này thì Sở Tư pháp tự chấm điểm tối đa.
-	Không thực hiện bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ	0 điểm				
c.	Kinh phí thực hiện công tác bồi thường nhà nước	02 điểm				
-	Bố trí kinh phí để thực hiện công tác bồi thường nhà nước	02 điểm				Sở Tư pháp có đề xuất kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về công tác bồi thường nhà nước và Sở Tài chính cấp hoặc không cấp thì tự chấm điểm tối đa.
-	Không bố trí kinh phí để thực hiện công tác bồi thường nhà nước	0 điểm				Sở Tư pháp không đề xuất kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về công tác bồi thường nhà nước.
V.	Nhóm tiêu chí đánh giá của cơ quan giải quyết bồi thường, cơ quan nhà nước khác có liên quan tại địa phương trong việc thực hiện quản lý nhà nước về công tác bồi thường nhà	10 điểm				<p>- Trường hợp không được cấp kinh phí hoặc không có sự hỗ trợ kinh phí thì Sở Tư pháp không đánh giá, chấm điểm đối với nhóm tiêu chí này.</p> <p>- Việc lấy ý kiến đánh giá có thể được tổ chức thông qua khảo sát, phỏng vấn, v.v.</p>

	nước và tham gia giải quyết yêu cầu bồi thường					
1.	Đánh giá việc thực hiện quản lý nhà nước về công tác bồi thường nhà nước tại địa phương	04 điểm				
a.	Thực hiện quản lý nhà nước về công tác bồi thường nhà nước quy định tại Điều 5 của Bộ tiêu chí này	04 điểm				
b.	Không thực hiện quản lý nhà nước về công tác bồi thường nhà nước quy định tại Điều 4 của Bộ tiêu chí này	0 điểm				
2.	Đánh giá công tác phối hợp thực hiện quản lý nhà nước về công tác bồi thường nhà nước	03 điểm				
a.	Phối hợp thực hiện quản lý nhà nước về công tác bồi thường nhà nước quy định tại Điều 5 của Bộ tiêu chí này	03 điểm				
b.	Không phối hợp thực hiện quản lý nhà nước về công tác bồi thường nhà nước quy định tại Điều 5 của Bộ tiêu chí này	0 điểm				

3.	Đánh giá việc tham gia giải quyết yêu cầu bồi thường	03 điểm				
a.	Tham gia giải quyết yêu cầu bồi thường quy định tại Điều 6 của Bộ tiêu chí này	03 điểm				
b.	Không tham gia giải quyết yêu cầu bồi thường quy định tại Điều 6 của Bộ tiêu chí này	0 điểm				
VI.	ĐIỂM THƯỞNG VÀ ĐIỂM TRỪ					
1.	Điểm thưởng	05 điểm/ sáng kiến, giải pháp				Trường hợp công chức của Sở Tư pháp có sáng kiến, giải pháp có liên quan đến việc thực hiện công tác bồi thường nhà nước thì mỗi sáng kiến, giải pháp được công nhận Sở Tư pháp cộng 05 điểm vào tổng điểm cuối cùng.
2.	Điểm trừ	05 điểm				Trường hợp Sở Tư pháp gửi kết quả tự đánh giá chấm điểm sau 05 ngày kể từ ngày 08/12 thì Sở Tư pháp tự trừ 05 điểm từ tổng điểm cuối cùng.

PHỤ LỤC II

MẪU BÁO CÁO TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ VÀ XẾP LOẠI KẾT QUẢ CÔNG TÁC BỒI THƯỜNG NHÀ NƯỚC

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3062/QĐ-BTP ngày 11 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về đánh giá kết quả thực hiện công tác bồi thường nhà nước)

BỘ TƯ PHÁP
CỤC BỒI THƯỜNG NHÀ NƯỚC

Số: /BC-BTNN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm

BÁO CÁO

Tổng hợp kết quả đánh giá và xếp loại kết quả công tác bồi thường nhà nước

Kính gửi:

Ngày / /2019, Bộ trưởng Bộ Tư pháp đã ký Quyết định số /QĐ-BTP về ban hành Bộ tiêu chí đánh giá kết quả thực hiện công tác bồi thường nhà nước, trong đó, giao Cục Bồi thường nhà nước chỉ trì, phối hợp với các đơn vị thuộc Bộ tổ chức triển khai thực hiện Quyết định số Thực hiện nhiệm vụ được giao, Cục Bồi thường nhà nước báo cáo Lãnh đạo Bộ về kết quả đánh giá và xếp loại kết quả công tác bồi thường nhà nước trong năm ..., cụ thể như sau:

I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI ÁP DỤNG QUYẾT ĐỊNH SỐ

II. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI ÁP DỤNG QUYẾT ĐỊNH SỐ

- Đánh giá chung
- Kết quả và xếp loại

STT	Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố	Sở Tư pháp tự đánh giá, chấm điểm		Bộ Tư pháp đánh giá, xếp loại		Xếp loại
		Điểm tự chấm	Diễn giải/ Tài liệu kiểm chứng	Điểm đánh giá	Diễn giải/ Tài liệu kiểm chứng	

III. HẠN CHẾ, NGUYÊN NHÂN (nếu có)

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ (nếu có)

Trên đây là báo cáo về việc đánh giá và xếp loại kết quả thực hiện công tác bồi thường nhà nước trong năm, Cục Bồi thường nhà nước kính trình Lãnh đạo Bộ./.

Nơi nhận:

_Như trên;

.....

Lưu: VT, Phòng NV1.

CỤC TRƯỞNG

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)